

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt đặt tên đường trên địa bàn  
thành phố Quy Nhơn năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của  
Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình  
công cộng;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ  
Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực  
hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công  
cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm  
2005 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2020 của  
HĐND tỉnh khoá XII, kỳ họp thứ 13 về việc Đề án đặt tên đường trên địa bàn  
thành phố Quy Nhơn năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao và Chủ tịch UBND  
thành phố Quy Nhơn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đặt tên 32 tuyến đường trên địa bàn thành phố Quy  
Nhơn năm 2020, cụ thể:

1. Số tuyến đường đặt nối dài tiếp theo tên đường hiện có: 06 tuyến đường.
2. Số tuyến đường tại các khu dân cư: 26 tuyến đường.

*(có Danh sách tên đường kèm theo).*

**Điều 2.** Giao Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn phối hợp với Sở Văn  
hóa và Thể thao và các ngành liên quan tổ chức thực hiện theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2021.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Xây dựng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K5.



**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**DANH SÁCH****Tên đường trên địa bàn thành phố Quy Nhơn năm 2020***(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2020/QĐ-UBND**ngày tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh)*

STT	Tuyến đường quy hoạch	Lý trình	Lộ giới (m)	Lòng đường (m)	Via hè 2 bên (m)	Chiều dài (m)	Tên đường
<b>I. Các đường hiện trạng quy hoạch mở rộng nổi dài, phường Ngô Mây và phường Lê Hồng Phong: 04 tuyến đường</b>							
1	Đường Phạm Ngũ Lão nổi dài, phường Ngô Mây và phường Lê Hồng Phong	Từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Hoàng Văn Thụ	11	6	2,5 x 2	143,82	<b>Phạm Ngũ Lão</b> (nổi dài)
2	Đường Trần Thị Kỳ nổi dài, phường Ngô Mây	Từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Hoàng Văn Thụ	11	7	2 x 2	186,79	<b>Trần Thị Kỳ</b> (nổi dài)
3	Đường Hoàng Văn Thụ nổi dài, phường Ngô Mây, phường Lê Hồng Phong	Từ đường Võ Văn Dũng đến đường Nguyễn Tất Thành	13	7	3 x 2	1.700	<b>Hoàng Văn Thụ</b> (nổi dài)
4	Đường Nguyễn Nhạc nổi dài, phường Ngô Mây	Từ hẻm 54 đường Nguyễn Lữ đến đường Diên Hồng	13	7	3 x 2	113	<b>Nguyễn Nhạc</b> (nổi dài)
<b>II. Khu dân cư phía Bắc đường Đống Đa, phường Thị Nại: 01 tuyến đường</b>							
1	Đường quy hoạch (mở rộng nổi dài đường trước đây là đường bờ kè)	Từ đường Đống Đa đến Công viên giáp đường Quốc lộ 19 mới	9,5 - 12	7 - 7,5	(2 - 3) x 2	635,5	<b>Ngọc Hồi</b> Địa danh lịch sử
<b>III. Khu dân cư hiện trạng phường Nguyễn Văn Cừ: 01 tuyến đường</b>							
1	Hẻm 34 đường Ngô Gia Tự	Từ đường Ngô Gia Tự đến đường Lý Thái Tổ	8	6	1 x 2	200	<b>Hồ Công Thuyên</b> (TK XVIII)
<b>IV. Khu QHDC đất quốc phòng - phường Ghềnh Ráng: 01 tuyến đường</b>							
1	Đường quy hoạch	Từ đường Bé Văn Đàn đến đường Chế Lan Viên	11- 13	7	(2 - 3) x 2	200	<b>Nguyễn Hồng Châu</b> (1920 - 2007) Quảng Ngãi

STT	Tuyến đường quy hoạch	Lý trình	Lộ giới (m)	Lòng đường (m)	Vĩa hè 2 bên (m)	Chiều dài (m)	Tên đường
<b>V. Khu tái định cư thuộc Dự án Khu QHDC Hưng Thịnh - phường Ghềnh Ráng: 04 tuyến đường</b>							
1	Đường D8	Từ đường D13 đến đường D11A	10	5	2,5 x 2	910	<b>Nguyễn Minh Vỹ</b> (1914 - 2002) Thừa Thiên Huế
2	Đường D9	Từ đường D13 đến đường D11A	10	5	2,5 x 2	369	<b>Nguyễn Hòa</b> (1930 - 1969) Hoài Nhơn, Bình Định
3	Đường D10	Từ đường Phạm Thị Đào đến đường D11A	10	5	2,5 x 2	117,5	<b>Nguyễn Thị Yến</b> (nổi dài)
4	Đường D13	Từ đường D8 đến đường Phạm Thị Đào	9,5	6	1 - 2,5	190	<b>Huỳnh Lý</b> (1914 - 1993) Quảng Nam
<b>VI. Khu quy hoạch dân cư khu vực 3, phường Ghềnh Ráng: 01 tuyến đường</b>							
1	Đường Lê Công Miển (nổi dài) + đường số 5	Từ đường La Văn Tiên (Xí nghiệp gỗ Bông Hồng) đến nhà ông Lê Mạnh Phước	7 - 9	4 - 5	(1-2) x 2	175	<b>Lê Công Miển</b> (nổi dài)
<b>VII. Khu tái định cư đa phương thức, phường Trần Quang Diệu: 02 tuyến đường</b>							
1	Đường số 2 + Đường số 3	Từ đường số 1 đến Khu dân cư hiện trạng thuộc khu vực 2, phường Trần Quang Diệu	12	6	3 x 2	162	<b>Trương Văn Đa</b> (Thế kỷ XVIII) Tây Sơn, Bình Định
2	Đường số 4	Từ đường số 1 đến đường số 2	12	6	3 x 2	124	<b>Võ Văn Hiệu</b> (1811 - 1854) Tây Sơn, Bình Định
<b>VIII. Khu tái định cư Khu quy hoạch đất hỗn hợp 1 và Khu quy hoạch đất hỗn hợp 2 phường Trần Quang Diệu: 03 tuyến đường</b>							
1	Đường số 11 + Đường số 11A	Từ đường Hùng Vương đến đường số 1A	22 x 2 + 40m (Công viên)	12 x 2 (02 lòng đường) + 40m (Công viên cây xanh ở giữa)	(5x2) x2 (04 vĩa hè)	70,4	<b>Cù Huy Cận</b> (1919 - 2005) Hà Tĩnh
2	Đường quy hoạch	Từ đường số 1A đến đường số 11A	14	7	3,5 x 2	119,53	<b>Dương Đức Hiền</b> (1916 - 1963) Hà Nội
3	Đường quy hoạch	Từ đường số 1A đến đường số 11A	14	7	3,5 x 2	179,22	<b>Lê Thị Xuyên</b> (1909 - 1996) Quảng Nam

STT	Tuyến đường quy hoạch	Lý trình	Lộ giới (m)	Lòng đường (m)	Vĩa hè 2 bên (m)	Chiều dài (m)	Tên đường
<b>IX. Khu Quy hoạch dân cư khu vực 5 (khu cũ và khu mở rộng), phường Bùi Thị Xuân: 08 tuyến đường</b>							
1	Đường số 1, 7	Từ đường Quốc lộ 1A đến khu dân cư hiện trạng	24	16	4 x 2	496	<b>Giáp Văn Cương</b> (1921 - 1990) Bắc Giang
2	Đường quy hoạch	Từ đường số 1 đến đường số 5	12	6	3 x 2	149	<b>Lê Tấn</b> (1855 - 1908) Tuy Phước, Bình Định
3	Đường quy hoạch	Từ đường số 3 đến đường số 5	12	6	3 x 2	87	<b>Lê Truân</b> (Thế kỷ XIX) Hoài Ân, Bình Định
4	Đường quy hoạch	Từ đường số 1 đến đường số 5	20	10	5 x 2	149	<b>Cao Văn Khánh</b> (1917 - 1980) Thừa Thiên Huế
5	Đường số 2	Từ đường số 3 đến đường số 5	12	6	3 x 2	87	<b>Ngô Tùng Nho</b> (Thế kỷ XIX) Tây Sơn, Bình Định
6	Đường số 3	Từ đường số 4 đến đường quy hoạch 12m	12	6	3 x 2	232	<b>Nguyễn Hân</b> (Thế kỷ XIX) Phù Mỹ, Bình Định
7	Đường số 4	Từ đường số 1 đến đường số 5	12	6	3 x 2	232	<b>Huỳnh Ngọc</b> (Thế kỷ XIX) Tây Sơn, Bình Định
8	Đường số 5	Khu dân cư hiện trạng đến khu dân cư hiện trạng	12	6	3 x 2	272	<b>Kha Vạng Cân</b> (1908 - 1982) Thành phố Hà Chí Minh
<b>X. Khu dân cư mặt bằng Công ty 508, phường Bùi Thị Xuân: 07 tuyến đường</b>							
1	Đường số 1	Đường Quốc lộ 1A đến đường số 8	14 - 20	8-14	3 x 2	224,7	<b>Huỳnh Văn Nghệ</b> (1914 - 1977) Bình Dương
2	Đường số 2 + ½ đường số 4	Đường số 1 đến đường số 5	12	6	3 x 2	130,3	<b>Đào Thụy Thạch</b> (Thế kỷ XIX) Tuy Phước, Bình Định
3	Đường số 3 + ½ đường số 4	Đường số 1 đến đường số 6	12	6	3 x 2	192,3	<b>Lê Văn Huân</b> (1875 - 1929) Hà Tĩnh

STT	Tuyến đường quy hoạch	Lý trình	Lộ giới (m)	Lòng đường (m)	Vĩa hè 2 bên (m)	Chiều dài (m)	Tên đường
4	Đường số 5	Đường số 1 đến đường hiện trạng	12	6	3 x 2	114	<b>Hoàng Trung Thông</b> (1925 - 1993) Nghệ An
5	Đường số 6	Đường số 1 đến đường hiện trạng	12	6	3 x 2	120	<b>Cao Xuân Huy</b> (1900 - 1983) Nghệ An
6	Đường số 7	Đường số 1 đến đường hiện trạng	12	6	3 x 2	152	<b>Lê Văn Hiến</b> (1904 - 1996) Đà Nẵng
7	Đường số 9	Đường số 1 đến đường hiện trạng	12	6	3 x 2	120	<b>Đào Văn Tiến</b> (1920 - 1995) Nam Định

**Tổng cộng: 32 tuyến đường./.**